

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyền và ông Lương Thái Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Lương Thị Lg (*Lương Thị L*), sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tuy Hòa (nay là UBND thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên) ngày 13/01/2004. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Bà Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lương Thị Lg (*Lương Thị L*).

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 09/5/1999 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 29/12/2003. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thành Đ giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lương Thị Lg (*Lương Thị L*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) có hộ khẩu tại huyện T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Tại giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 13/01/2004 của UBND xã H, huyện Tuy Hòa (*nay là UBND thị trấn P1, huyện T*) có ghi họ tên vợ là “Lương Thị L”, sinh năm 1979 và chồng “Nguyễn Thành Đ”; Tuy nhiên tại giấy khai sinh số 15 ngày 15/10/1999 của UBND thị trấn P2, huyện Tuy Hòa và giấy khai sinh số 08 ngày 14/01/2004 của UBND xã H, huyện Tuy Hòa (*nay là UBND thị trấn P1, huyện T*) đều ghi tên cha là “Nguyễn Thành Đ”, tên mẹ “Lương Thị Lg” sinh năm 1979. Việc ghi tên “Lương Thị Lg” trên giấy chứng nhận kết hôn là do có sự nhầm lẫn khi đăng ký, bà Lương Thị Lg hay Lương Thị L, sinh năm 1979 là cùng một người, sự việc trên có xác nhận của UBND thị trấn P1, huyện T.

[1.3] Bị đơn Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) đã được thông báo tìm kiếm theo quy định (*Quyết định số 02/2023/QĐST-VDS ngày 20/3/2023 của TAND huyện T về việc chấp nhận và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Lương Thị Lg (Lương Thị L), thời gian phát thông báo tìm kiếm lần đầu: Ngày 22/4/2023*), đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng bị đơn Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) vẫn vắng mặt. Áp dụng Điều 227 BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thành Đ và bị đơn Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký tại UBND xã H, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (*nay là UBND thị trấn P1, huyện T, tỉnh Phú Yên*) ngày 13/01/2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Bà Lương Thị Lg (*Lương Thị L*) bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 09/5/1999 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 29/12/2003. Hiện các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nguyên đơn không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành Đ.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thành Đ được ly hôn với bị đơn Lương Thị Lg (Lương Thị L).

2. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006227 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn P1
(GCNKH số 02, ngày 13/01/2004);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền